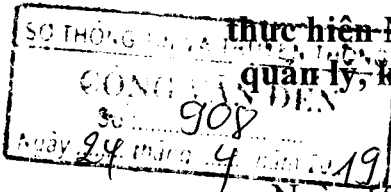


CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế



Ngày 15/01/2019, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 39-NQ/TW về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế. Quán triệt sâu sắc các chủ trương, quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp được thông qua trong Nghị quyết; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị với những nội dung chính sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, toàn thể cán bộ và đảng viên quán triệt nghiêm túc, nhận thức rõ về vai trò, tầm quan trọng của việc nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế tạo sự thống nhất cả về nhận thức và hành động trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết. Đồng thời nắm vững quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp nêu trong Nghị quyết để tổ chức thực hiện có hiệu quả.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị căn cứ vào Nghị quyết của Trung ương, Chương trình hành động của Tỉnh ủy làm cơ sở để xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, phù hợp với tình hình thực tiễn, tạo động lực phát triển bền vững kinh tế xã hội của địa phương.

II. NỘI DUNG

1- Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực của tỉnh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Đổi mới định hướng đầu tư và mô hình tăng trưởng, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; mở rộng liên kết, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, khai thác tối đa mọi tiềm năng, lợi thế để nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của tỉnh. Phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa - xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đảm bảo môi trường, an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, nhất là dân cư nông thôn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

a) Đối với nguồn nhân lực

- Đến năm 2020: Tỷ lệ lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản còn dưới 30%. Bình quân mỗi năm giải quyết việc làm mới cho

khoảng 16.330 lao động, trong đó xuất khẩu lao động là 1.000 người; đào tạo nghề nghiệp cho khoảng 17.500 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2020 đạt 70%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có chứng chỉ bằng cấp đạt 55%.

- *Đến năm 2025*: Tỷ lệ lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản dưới 23%. Khắc phục cơ bản tình trạng mất cân đối cung - cầu nhân lực.

- *Đến năm 2035*: Tỷ lệ lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản dưới 16%. Phát triển, nâng cao năng lực đội ngũ nhân lực làm công tác khoa học, công nghệ của tỉnh.

- *Đến năm 2045*: Tỷ lệ lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản dưới 11%.

b) Đối với nguồn vật lực

- *Đến năm 2025*:

+ Châm dứt hoạt động của các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất VLXD, sử dụng đất đai kém hiệu quả, ảnh hưởng đến môi trường; 100% chất thải rắn, nước thải được kiểm soát và xử lý. Ban hành và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách về quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên phục vụ phát triển bền vững, tập trung phát triển du lịch, dịch vụ đồng bộ với hệ thống pháp luật.

+ Phát triển hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh cơ bản đồng bộ và hiện đại. Hoàn thành dứt điểm các công trình có tính chất cấp bách, trọng điểm, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện hiệu quả các quy hoạch, chương trình phát triển đô thị, chương trình phát triển du lịch, đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh.

- *Đến năm 2035*: Phát triển hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh đồng bộ, cơ bản hiện đại; là trung tâm kết nối các tỉnh phía nam với Thủ đô Hà Nội, trọng tâm là dịch vụ chất lượng cao cấp vùng về du lịch, đào tạo nguồn nhân lực và y tế.

- *Đến năm 2045*:

+ Tiếp tục phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường; quản lý tổng hợp, khai thác bền vững, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên nước; quản lý tài nguyên đất và tài nguyên khoáng sản theo hướng khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả, bền vững; ứng phó kịp thời và thích nghi với thiên tai, biến đổi khí hậu; bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên; bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái.

+ 100% nước thải, rác thải nguy hại, rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp được xử lý với công nghệ hiện đại theo tiêu chuẩn trong nước và ngang bằng với các nước đang phát triển; ngăn ngừa, giảm đáng kể và kiểm soát được các loại ô nhiễm, đặc biệt là từ các hoạt động sử dụng đất đai, sử dụng khoáng sản, sử dụng và khai thác nguồn nước..., chú ý tới các chất thải rắn, nước thải và ô nhiễm chất hữu cơ; thực hiện những hành động cấp thiết để ngăn chặn và tiến đến chấm dứt sự suy thoái nơi cư trú tự nhiên các hệ sinh thái, bảo vệ và ngăn chặn nguy cơ tuyệt chủng của các loài động, thực vật nguy cấp.

+ Hoàn thiện cơ sở vật chất và kết cấu hạ tầng của tỉnh đồng bộ, hiện đại, kết nối thông suốt với các tỉnh lân cận.

c) Đối với nguồn tài lực.

- *Đến năm 2025:* Giữ vững an ninh tài chính địa phương; bảo đảm cân đối ngân sách tích cực, giảm dần tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước, phấn đấu đến năm 2020 cân bằng thu - chi ngân sách địa phương (*địa phương tự cân đối ngân sách*); hạn chế không để phát sinh nợ công.

- *Đến năm 2035:* Thu ngân sách nhà nước từ đất đai đạt 10%, thu từ khai thác tài sản công đạt 5% tổng thu ngân sách nhà nước hằng năm, giảm dần nợ công.

- *Đến năm 2045:* Giữ ổn định thu ngân sách nhà nước từ đất đai đạt 10%, thu từ khai thác tài sản công đạt 5% - 7% tổng thu ngân sách nhà nước; nợ công giảm còn ở mức tối thiểu.

2- Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

2.1. Nhiệm vụ, giải pháp chung

- Rà soát, sửa đổi, hoàn thiện các cơ chế, chính sách về đầu tư, đất đai, tài nguyên khoáng sản, nguồn nhân lực nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực phục vụ cho phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án đổi mới định hướng đầu tư tỉnh Hà Nam giai đoạn đến 2030; các Kế hoạch, chương trình hành động, Đề án của Tỉnh về đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế. Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao bằng các Đề án, cơ chế, chính sách cụ thể. Chú trọng đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ trong từng ngành, lĩnh vực; ưu tiên đầu tư cho ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật.

- Đẩy mạnh cơ cấu nền kinh tế và các ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu. Tập trung phát triển các sản phẩm có thế mạnh của tỉnh. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy về nông nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ và nguồn nhân lực; các kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quản lý đất đai, khoáng sản, môi trường. Quản lý chặt đầu tư công; tập trung nguồn lực cho các công trình trọng điểm, có sức lan tỏa và ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch của tỉnh theo hướng dẫn của Trung ương. Hoàn thành xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cùng với việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh hoặc lập mới các quy hoạch có tính chất chuyên ngành, kỹ thuật của tỉnh.

- Thực hiện công khai, minh bạch, bình đẳng trong quản lý các nguồn lực. Đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao trách nhiệm và đạo đức công vụ của cán bộ các cấp nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Tích cực thực hiện nghiêm các quy định về phòng chống tham nhũng, ngăn chặn hành vi độc quyền, xóa bỏ cơ chế xin - cho, lợi ích nhóm, góp phần củng cố niềm tin của các doanh nghiệp và nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước. Chủ động nghiên cứu đề nắm bắt cơ hội, tận dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để áp dụng vào thực tiễn phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

2.2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đối với từng nguồn lực

2.2.1. Đối với nguồn nhân lực

a) Nâng cao nhận thức, hoàn thiện các cơ chế, chính sách về phát triển, quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực của tỉnh

- Nâng cao hiệu quả, đa dạng hoá các hình thức, nội dung tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa theo các chủ trương, Nghị quyết của Trung ương.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo nghề nghiệp phải theo nhu cầu thị trường lao động về số lượng, chất lượng, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững và đảm bảo an sinh xã hội.

- Hướng dẫn, tuyên truyền đầy đủ, kịp thời các chính sách, pháp luật về việc làm, ATVSLĐ và một số văn bản hiện hành có liên quan đến người lao động và người sử dụng lao động nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức và trách nhiệm thực hiện. Tập huấn cho các doanh nghiệp có sử dụng lao động là người nước ngoài trên địa bàn tỉnh thực hiện thủ tục cấp giấy phép lao động qua mạng điện tử.

b) Đổi mới công tác quản lý, sử dụng, đánh giá và đào tạo nguồn nhân lực

- Đối với nguồn nhân lực trong khu vực nhà nước.

+ Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm gắn với kết quả hoạt động công vụ và hiệu suất làm việc. Hoàn chỉnh quy trình đánh giá đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở năng lực đóng góp, kết quả và năng suất lao động thực tế. Thực hiện chế độ trả lương theo chức danh, vị trí việc làm tương xứng với trình độ, năng lực và kết quả công việc.

+ Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo hướng nâng cao năng lực thực thi nhiệm vụ công việc. Tổ chức và triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh giai đoạn 2017-2020.

+ Phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng và sử dụng có hiệu quả nhân tài; thực hiện tốt chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ của tỉnh.

- Khu vực ngoài nhà nước.

+ Đẩy mạnh thu hút các trường Đại học, cao đẳng có chất lượng về Khu Đại học Nam Cao của tỉnh.

+ Quy hoạch, phát triển mạng lưới các cơ sở đào tạo, trường dạy nghề của tỉnh phù hợp với nhu cầu thực tế đi đôi với việc tăng cường năng lực quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và năng lực quản trị của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

+ Đẩy mạnh xã hội hóa công tác giáo dục nghề nghiệp, tập trung các nguồn lực cho giáo dục nghề nghiệp. Tổ chức triển khai các hoạt động gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, thị trường lao động, việc làm và an sinh xã hội. Đẩy mạnh hợp tác 3 bên Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp trong giáo dục nghề nghiệp.

+ Triển khai các chương trình đào tạo chất lượng cao, ưu tiên đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Thực hiện có hiệu quả các chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo tại chỗ trong doanh nghiệp. Đẩy mạnh thực hiện Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo và quản lý giáo dục nghề nghiệp.

c) Phát triển thị trường lao động hoạt động hiệu quả

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường lao động, bảo đảm tính thống nhất và linh hoạt của thị trường lao động, tạo thuận lợi cho việc tuyển dụng lao động và người sử dụng lao động.

- Tổ chức điều tra, rà soát nhu cầu học nghề, nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp; thường xuyên cập nhật thông tin về cung - cầu lao động.

2.2.2. Đối với nguồn vật lực

a) Đối với nguồn lực tài nguyên thiên nhiên

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân về bảo vệ tài nguyên nước, khoáng sản, đất đai và bảo vệ môi trường.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy hoạch, Kế hoạch, chấp hành pháp luật về đất đai, khoáng sản, môi trường, phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, kiên quyết thu hồi đất, thu hồi giấy phép khai thác dự án vi phạm Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Khoáng sản theo quy định.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; tập trung khắc phục ô nhiễm môi trường tại cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, các điểm bức xúc về ô nhiễm môi trường; bảo vệ và cải thiện môi trường các lưu vực sông. Thực hiện nghiêm chủ trương tại các nghị quyết, kết luận của Tỉnh ủy, không đề xuất thu hút, tiếp nhận các dự án tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến môi trường, cảnh quan, không phù hợp với các quy hoạch chung đã phê duyệt, sử dụng đất đai, tài nguyên lãng phí.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên nước; bảo vệ tài nguyên nước tại các khu vực bị ô nhiễm nguồn nước, xây dựng danh mục nguồn nước cần lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh; ban hành các cơ chế, chính sách và đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ tài nguyên nước.

b) Đối với nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội

- Tập trung huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Tăng cường xã hội hóa, huy động các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách. Tạo cơ chế để các

doanh nghiệp, người dân tham gia đầu tư trên địa bàn tỉnh. Tư nhân hóa và đấu thầu khai thác, cung cấp các dịch vụ công. Thực hiện đấu giá các vị trí đất lợi thế phát triển dịch vụ, thương mại, nhà ở theo quy hoạch.

- Rà soát tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, kiên quyết chấm dứt đầu tư đối với các dự án kém hiệu quả, thiếu tính khả thi để tập trung đầu tư cho các công trình và dự án cấp bách khác. Quan tâm đầu tư hạ tầng vùng khó khăn, hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng nền tảng vững chắc nhằm phát triển kinh tế - xã hội với tốc độ cao, bền vững. Đẩy nhanh chương trình phát triển các đô thị; quy hoạch, xây dựng các thị trấn, thị tứ ở các huyện trên địa bàn tỉnh.

- Quản lý chặt chẽ đầu tư công, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước, khắc phục triệt để tình trạng đầu tư dàn trải. Triển khai đầu tư các dự án theo kế hoạch đầu tư trung hạn được duyệt, đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát. Nâng cao chất lượng công tác quản lý và hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Tăng cường, làm rõ vai trò, trách nhiệm của các ngành chức năng, nhất là người đứng đầu trong xây dựng, quản lý thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư.

- Thực hiện nghiêm các quy định về phân bổ vốn theo quy định của Trung ương; đẩy mạnh phân cấp nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương, nhất là người đứng đầu trong xây dựng, quản lý thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư.

2.2.3. Đối với nguồn tài lực

- Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện cơ chế, chính sách để khơi thông, giải phóng tối đa và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực hiện có, phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và thực tiễn của địa phương; thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, khai thác và sử dụng ngân sách nhà nước.

- Thực hiện cơ cấu lại NSNN và nợ công theo hướng nâng dần tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên trong tổng chi NSNN. Đẩy nhanh cải cách khu vực sự nghiệp công, tinh giản biên chế; tăng cường cải cách thủ tục hành chính. Quản lý, sử dụng triệt để tiết kiệm, hiệu quả nguồn lực NSNN, song song với huy động tối đa các nguồn lực tài chính khác để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Giám sát chặt chẽ việc quản lý và sử dụng vốn vay; triển khai hiệu quả Luật Quản lý và sử dụng tài sản công. Cân đối nguồn lực để thực hiện đúng lộ trình cải cách chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội theo Nghị quyết Trung ương, đảm bảo an sinh xã hội và nhiệm vụ an ninh quốc phòng địa phương.

- Thực hiện nghiêm Luật Ngân sách nhà nước, tăng cường kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước ở tất cả các cấp, các ngành. Nuôi dưỡng nguồn thu ngân sách nhà nước, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, tập trung chống thất thu, chuyển giá và nợ đọng thuế. Giám sát chặt chẽ các khoản chi từ ngân sách nhà nước, bảo đảm triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tăng nguồn thu sự nghiệp; không ban hành các chính sách, chế độ, chương trình, đề án khi không cân đối được nguồn vốn;

kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn, chi từ nguồn dự phòng ngân sách nhà nước.

- Tăng cường công tác quản lý và kiểm tra trên cơ sở các định mức kinh tế nhằm sử dụng hiệu quả và tiết kiệm NSNN, nhất là đối với các doanh nghiệp công ích; quản lý các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài đảm bảo thực hiện đầy đủ các cam kết về bảo vệ môi trường, tiến độ đầu tư, đóng góp ngân sách nhà nước,... xử lý nghiêm các hành vi chuyển giá, trốn thuế, vi phạm pháp luật.

- Đẩy mạnh việc đổi mới cơ chế quản lý, cấp phát ngân sách nhà nước; đổi mới cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; khuyến khích, hỗ trợ thực hiện xã hội hoá đối với đơn vị sự nghiệp công lập gắn với việc thực theo tinh thần Nghị quyết hội nghị Trung ương 6 (khóa XII) và Chương trình hành động số 54-CTr/TU của Tỉnh ủy.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh căn cứ tình hình thực tế của địa phương, đơn vị và Chương trình hành động của Tỉnh ủy để xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện đảm bảo phù hợp, hiệu quả.

2. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết, Chương trình hành động này của Tỉnh ủy, định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng, | để báo cáo
- Văn phòng TW Đảng, |
- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Các Ban Cán sự Đảng, Đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ



Nguyễn Đình Khang